



Thu hút và sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn Duyên hải miền Trung

Thạc sĩ HÀ THANH VIỆT

Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào các quốc gia khác nhau thì không bằng nhau, và trong một quốc gia, các vùng kinh tế khác nhau thì khả năng thu hút và sử dụng vốn FDI cũng rất khác nhau. Việc lượng vốn FDI vào một vùng kinh tế của một quốc gia cao hay thấp phụ thuộc rất nhiều yếu tố như: khuynh hướng chu chuyển dòng vốn FDI quốc tế; sự ổn định của môi trường vĩ mô; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thu hút và sử dụng vốn FDI của quốc gia và của địa phương; sự phát triển nền hành chính; hoạt động xúc tiến đầu tư; trong đó, điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội của vùng kinh tế đó có ảnh hưởng lớn đến hoạt động thu hút và sử dụng vốn FDI của vùng.

1. Điều kiện tự nhiên và xã hội

Ngày nay, trong xu thế hội nhập kinh tế thế giới, điều kiện tự nhiên lãnh thổ có vai trò quan trọng đối với một đất nước, một vùng lãnh thổ trong việc giao thương buôn bán, kêu gọi đầu tư... đặc biệt, trong hoạt động thu hút và sử dụng vốn FDI. Thực tiễn cho thấy, những nước có vị trí địa lý và có điều kiện tự nhiên thuận lợi thường hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài, chẳng hạn như Singapore.

Vị trí địa lý thuận lợi tạo ra khả năng phát triển các hoạt động du lịch, trung chuyển, tái xuất khẩu, chuyển khẩu hàng hoá qua các vùng, các khu vực lân cận. Những quốc gia biết phát huy lợi thế vị trí địa lý của từng vùng kinh tế của đất nước mình sẽ có cơ hội thu hút được nhiều vốn FDI. Đặc biệt phát huy lợi thế các vùng có lợi thế về giao thông đường biển bằng việc hiện đại hoá cảng biển, miễn lệ phí cảng biển, hạ thấp các mức thuế, giảm các loại thuế so với các khu vực khác sẽ tạo ra sức hấp dẫn tối đa vốn FDI.

Tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú cho phép một vùng kinh tế phát triển nền kinh tế của mình với cơ cấu đa ngành và tham gia một các tích cực vào phân công lao động quốc gia và quốc tế. Vùng kinh tế có tài nguyên phong phú, gần nguồn nguyên liệu làm cho chi phí sản xuất trở nên rẻ hơn, hàng hoá có sức cạnh tranh hơn, điều này sẽ hấp dẫn nhà đầu tư nước ngoài.

Nguồn lao động dồi dào, giá nhân công rẻ cũng là lợi thế so sánh của một vùng kinh tế. Kết quả các cuộc điều tra mới đây của một công ty quốc tế về tư vấn đầu tư cho thấy, quan điểm lựa chọn địa điểm đầu tư trên thế giới đã có nhiều thay đổi. Trước đây các nhà đầu tư nước ngoài thiên về những địa điểm đầu tư gần thị trường tiêu thụ, thì ngày nay ưu tiên tiêu chí trình độ của công nhân, trình độ ngoại ngữ của dân bản địa.

Theo cách phân vùng hiện nay, Duyên hải miền Trung (DHMT) bao gồm 14 tỉnh, chia thành Bắc Trung Bộ (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế) và Duyên hải Nam Trung Bộ (Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận). Khối núi Bạch Mã - nơi có đèo Hải Vân, được coi là ranh giới tự nhiên giữa hai vùng. Về điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế - xã hội, DHMT có những lợi thế và khó khăn sau:

Những mặt lợi thế

Thứ nhất, vùng Duyên hải miền Trung có thế mạnh về biển và tiềm năng phát triển kinh tế biển. Vùng biển các tỉnh DHMT được coi như một hành lang thương mại quan trọng, một hệ thống cửa mở của các quốc gia phía Tây. Các nước trong khu vực, đặc biệt là Nhật đang dành nhiều sự quan tâm đến khu vực Nam

Lào - Đông Bắc Campuchia và DHMT Việt Nam gắn với việc mở thêm đường xuyên Á, mở các lối ra biển gần nhất cho khu vực này. Các cảng biển của vùng DHMT đã được đưa vào danh sách lựa chọn làm cửa ngõ cho các lối ra này. Sự quan tâm đó đã, đang và sẽ có tác động đến việc hình thành các cửa vào - ra ở vùng DHMT, thuận lợi cho việc lập ra các cảng quốc tế quan trọng. Trong nền kinh tế thị trường theo hướng mở, cảng biển có vị trí rất quan trọng, nhiều nước trong quá trình phát triển kinh tế đã khai thác triệt để lợi thế về cảng biển để đẩy mạnh thương mại quốc tế. Theo tính toán sơ bộ, hàng hóa từ vùng Đông Bắc Thái Lan, Nam Lào và Đông Bắc Campuchia tới Đông Bắc Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông) và ngược lại nếu qua biển miền Trung Việt Nam sẽ ngắn hơn qua cảng Bangkok - Thái Lan tới 1.000 hải lý.

Hơn nữa, với chiều dài trên dưới 1.735 km bờ biển, có nhiều cửa sông, đầm, vịnh và bãi triều; có thêm lục địa rộng lớn với hàng nghìn hòn đảo lớn nhỏ; một diện tích lớn mặt nước ngọt, nước lợ ven biển,... thuận lợi để phát triển kinh tế biển, bao gồm việc nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản và phát triển nhiều dịch vụ có liên quan, đặc biệt là nuôi tôm xuất khẩu và du lịch. Tất cả những điều kiện đó cho phép đưa việc nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, hải sản tại vùng DHMT từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Thứ hai, DHMT có thế mạnh về tài nguyên du lịch và tiềm năng phát triển kinh tế du lịch. Đây là vùng đất có nhiều danh lam thắng cảnh của đất nước, có một trong hai di sản thiên nhiên thế giới của nước ta là Phong Nha - Kẻ Bàng; vịnh Văn Phong được công nhận là một trong 29 vịnh đẹp nhất thế giới; bãi biển Đà Nẵng được bình chọn là một trong 6 bãi biển đẹp nhất hành tinh. Vùng này còn có bốn di sản văn hóa thế giới được UNESCO công nhận: cố đô Huế, phố cổ Hội An, thánh địa Mỹ Sơn và nhã nhạc cung đình Huế (văn hoá phi vật thể). Bờ biển vùng DHMT nhìn chung là bằng phẳng, nhiều nơi có bãi cát trắng trải dài, vũng và vịnh kín gió, bờ biển ít ô nhiễm. Đó chính là điều kiện lý tưởng để kết hợp phát triển nhiều loại hình du lịch: tham quan, du lịch văn hóa, nghiên cứu, tắm biển, du lịch sinh thái,...

Thứ ba, tài nguyên đất đai tuy không nhiều nhưng tương đối đa dạng và mới khai thác ở mức độ thấp. Theo tài liệu nghiên cứu thổ nhưỡng gần đây nhất thì một phần lớn diện tích đất chưa sử dụng có thể khai thác phát triển các loại cây chất bột có củ; trồng cây công nghiệp lâu năm; hình thành các đồng cỏ, phát triển chăn nuôi đại gia súc. Nhìn chung, với tiềm năng đất đai, vùng DHMT có thể phát triển công nghiệp chế biến thực phẩm thành ngành công nghiệp quan trọng của vùng.

Thứ tư, DHMT có thế mạnh về tài nguyên rừng và tiềm năng phát triển kinh tế gắn với các sản phẩm từ rừng. Tài nguyên rừng của toàn vùng chỉ đứng sau Tây Nguyên cả về diện tích đất rừng và trữ lượng gỗ, độ che phủ của rừng là 34%. Ngoài cây quế nổi tiếng, rừng vùng này còn có các loại gỗ quý như giáng hương, cẩm lai, gụ mật, kiền kiền, sao đen,...; dưới tán rừng có song, mây, trầm hương, kỳ nam, sa nhân, mộc nhĩ và nhiều cây dược liệu quý. Với thế mạnh của mình, vùng DHMT có thể phát triển thành một trung tâm trồng rừng và phát triển công nghiệp đồ gỗ.

Thứ năm, lực lượng lao động của vùng DHMT rẻ, dồi dào, đã được phổ cập về trình độ văn hóa. Lao động của vùng này thông minh, cần cù, ham học hỏi, có tinh thần cầu tiến. Nếu có hình thức kết hợp đào tạo tại chỗ gắn với giá nhân công rẻ thì chi phí cho lao động ở đây vẫn thấp hơn nhiều nơi khác trong nước và rẻ hơn nhiều so với các nước trong khu vực và thế giới. Đây là lợi thế cho phép khai thác để phát triển những ngành cần nhiều lao động như công nghiệp chế biến hương về xuất khẩu.

Thứ sáu, vùng DHMT có mối liên hệ chặt chẽ với Tây Nguyên. Với tài nguyên đất Bazan phong phú rất thuận lợi cho trồng cây công nghiệp, trữ lượng gỗ lớn (45% trữ lượng gỗ cả nước) và tiềm năng khoáng sản dồi dào, Tây Nguyên sẽ là nguồn cung cấp nguyên liệu và hàng xuất khẩu quan trọng cho toàn vùng DHMT. Đồng thời, chỉ có phát triển mạnh mẽ vùng DHMT mới có điều kiện tạo thế và lực cho Tây Nguyên khai thác hữu hiệu các tiềm năng đa dạng và độc đáo của mình.

Những khó khăn

Thứ nhất, địa hình bị chia cắt mạnh, núi cao chiếm một phần lớn diện tích tự nhiên toàn vùng, điều kiện thiên tai rất khắc nghiệt, mùa nắng nóng, ít mưa nên hay bị hạn hán; sau mùa nắng nóng kéo dài là mùa mưa thường xảy ra bão lụt. Dải đồng bằng có địa thế thuận lợi để canh tác và phát triển các ngành công nghiệp chế biến, nhưng lại nhỏ hẹp và bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi cao ăn ra đến sát biển, bởi các con sông hoặc những đồi cát trắng,... Thực sự địa hình như vậy rất khó bố trí cơ cấu công nghiệp hợp lý, không thuận lợi trong việc tạo ra các mối liên kết sản xuất giữa các tỉnh trong vùng.

Thứ hai, hạ tầng cơ sở còn thiếu và yếu, đặc biệt là hệ thống giao thông vận tải đường biển, phương thức vận chuyển phổ biến của các doanh nghiệp FDI, chất lượng còn thấp. Mặc dù là vùng có đường bờ biển dài nhưng do sự yếu kém của hệ thống cảng biển và các tuyến đường thủy, chi phí vận tải đường thủy của DHMT Việt Nam khá cao so với phía Bắc, TP.HCM và so với các nước khu vực.

Thứ ba, nền kinh tế chưa phát triển, tích lũy ở mức thấp. Nếu so thu nhập bình quân đầu người một tháng của DHMT với mức bình quân của cả nước thì thấp hơn nhiều, chỉ có Đà Nẵng là cao hơn bình quân cả nước, còn 11 tỉnh còn lại đều thấp hơn, trong đó tỉnh Quảng Bình chỉ bằng 61,53% mức bình quân chung cả nước, tỉnh Thanh Hóa chỉ bằng 63,13%, tỉnh Hà Tĩnh chỉ bằng 63,75%,..

Thứ tư, lực lượng lao động ở vùng DHMT khá dồi dào, nhưng chất lượng lao động thấp. Các ngành có tính chất mũi nhọn như điện tử viễn thông, tin học,.. chưa có chuyên gia giỏi. Lực lượng lao động chưa đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng của các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là lao động cao cấp.

Thứ năm, cơ cấu kinh tế của toàn vùng DHMT chuyển dịch chậm về chất, đó là kết quả của sự tăng trưởng chậm trong khu vực công nghiệp và dịch vụ. Mặc dù vùng DHMT là vùng có công nghiệp tương đối phát triển, song thực tế quy mô công nghiệp còn nhỏ, bằng khoảng dưới 10% tổng giá trị gia tăng công nghiệp cả nước. Các công trình công nghiệp vẫn tập trung chủ yếu vào một số ngành sản phẩm truyền thống như dệt, may, chế biến hải sản,.. nhưng có quy mô không lớn, chưa tạo ra sự biến đổi về chất trong cơ cấu công nghiệp. Tỷ trọng công nghiệp chế biến lên tới trên 93% trong cơ cấu công nghiệp nhưng thực tế là công nghiệp chế biến cũng có quy mô rất nhỏ bé.

3. Thực trạng vốn FDI từ 1988 đến 2005

Trong những năm qua, vốn FDI chủ yếu chảy vào các thành phố tương đối phát triển như Đà Nẵng, Khánh Hòa, Bình Thuận,.. Một số địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội không thuận lợi như Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Ninh Thuận,.. nhận được rất ít vốn FDI. Theo số liệu, Quảng Ngãi là tỉnh có vốn đăng ký cũng như vốn thực hiện dẫn đầu DHMT là do dự án xây dựng nhà máy lọc dầu Dung Quất, nếu không có dự án 1,3 tỷ USD này vào năm 1998 thì số lượng dự án đầu tư rất ít (15 dự án) và vốn đăng ký vào Quảng Ngãi chỉ hơn 43 triệu USD (Xem Bảng 1).

Bảng 1: Vốn FDI tại vùng DHMT từ năm 1988 đến năm 2005
ĐVT: Triệu USD

Địa phương	Số dự án đăng ký	Vốn đăng ký	Vốn thực hiện
Bắc Trung bộ	109	1.021,118	763,805
1 Thanh Hóa	24	445,786	448,668
2 Nghệ An	23	300,439	121,276
3 Hà Tĩnh	11	53,324	18,899
4 Quảng Bình	6	34,657	27,073
5 Quảng Trị	8	38,097	4,289
6 Thừa Thiên-Huế	37	148,815	143,640

Duyên hải Nam Trung bộ	373	3.669,355	1.397,211
7 Đà Nẵng	109	999,710	280,692
8 Quảng Nam	41	431,842	82,693
9 Quảng Ngãi	15	1.350,134	551,271
10 Bình Định	22	57,956	30,997
11 Phú Yên	37	193,916	71,457
12 Khánh Hòa	93	385,148	334,300
13 Ninh Thuận	8	31,482	6,040
14 Bình Thuận	48	219,166	39,760
Tổng	482	4.690,473	2.161,016

Số liệu: Tổng số dự án, tổng vốn đăng ký, tổng vốn thực hiện từ năm 1988 đến năm 2005.
Nguồn: Bộ kế hoạch và đầu tư

Trong phạm vi toàn quốc, từ khi Việt Nam bắt đầu mở cửa thu hút FDI năm 1988, các địa điểm được các nhà đầu tư nước ngoài lựa chọn không có sự thay đổi đáng kể. Miền Nam luôn giành được sự quan tâm của các nhà đầu tư do điều kiện cơ sở hạ tầng tương đối tốt, môi trường kinh doanh thuận lợi. Miền Bắc tuy đã có những nỗ lực nhất định nhằm thu hút vốn FDI, dòng vốn FDI vào khu vực này có tăng lên song về quy mô đầu tư vẫn thấp hơn khu vực phía Nam. Khu vực DHMT thì kém quá xa so với hai đầu của đất nước, vốn đăng ký toàn vùng chưa bằng 20%, vốn thực hiện chưa tới 22% so với riêng thành phố Hồ Chí Minh.

Thực trạng này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có một nguyên nhân quan trọng là Chính phủ và chính quyền địa phương chưa phát huy tốt những lợi thế, đồng thời hạn chế những khó khăn về điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế - xã hội của các địa phương trong vùng DHMT.

4. Những giải pháp cải thiện

Vấn biết rằng dòng vốn FDI chủ yếu với mục tiêu lợi nhuận, do vậy, các vùng có điều kiện cơ sở hạ tầng thuận lợi thu hút nhiều FDI là tất yếu. Tuy nhiên, nếu có những giải pháp khai thác thế mạnh về điều kiện tự nhiên và xã hội của từng vùng thì sẽ cải thiện đáng kể hoạt động FDI tại vùng đó. Đối với vùng DHMT, những giải pháp đó là:

Thứ nhất, cần có quy hoạch xây dựng và nâng cấp hệ thống cảng biển tại vùng DHMT. Hiện nay, vùng DHMT có rất nhiều cảng như: cảng Đà Nẵng, cảng Quy Nhơn, cảng Nha Trang, Cam Ranh,.. đang xây dựng và nâng cấp một số cảng như Liên Chiểu, Kỳ Hà, Dung Quất, Tiên Sa, Vũng Áng, Thuận An, Chân Mây.. Thay vì dàn trải đầu tư hệ thống cảng biển trong vùng như hiện nay, chúng ta chỉ cần tập trung xây dựng hai hoặc ba cảng container hiện đại, đủ sức cạnh tranh với các khu vực khác trong nước và với các nước khác. Các cảng này bố trí sao cho thuận lợi để phục vụ nhu cầu vận chuyển của Bắc Trung Bộ và lân

cận, Duyên hải Nam Trung Bộ và lân cận, Tây Nguyên và các nơi khác. Về vấn đề đầu tư cảng biển, một nhà đầu tư nước ngoài nêu một yêu cầu cụ thể: "Các nhà đầu tư đến khu kinh tế mở Chu Lai thì vẫn sản xuất hàng xuất khẩu, nhưng lại chưa có cảng container, nên phải xuất hàng ở nơi khác khiến giá thành cao, khó cạnh tranh được với các nơi khác. Vì thế nên sớm hình thành cảng container tại khu kinh tế mở Chu Lai thì sẽ có thêm nhiều nhà đầu tư tìm vào đây".

Thứ hai, xây dựng một quy hoạch tổng thể, có tính dài hạn và có tính định hướng để phát huy những lợi thế và hạn chế những mặt không thuận lợi của vùng. Đồng thời cần phải gắn kết các dự án riêng rẽ trong một quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế vùng, nhằm tận dụng khai thác triệt để những lợi thế về điều kiện tự nhiên - xã hội của các địa phương trong vùng, tập trung dứt điểm từng dự án để sớm đưa vào sử dụng, tạo đòn bẩy thúc đẩy các dự án khác và kinh tế toàn vùng phát triển.

Việc xây dựng quy hoạch cần phải được đánh giá đúng mức và phải được đặt lên hàng đầu, quan trọng nhất trong công tác quản lý nhà nước trong hoạt động FDI. Đây chính là hoạt động cơ bản nhất nhằm phát huy tối đa những lợi thế của từng địa phương trong vùng để thu hút nhiều hơn và sử dụng hiệu quả hơn vốn FDI trên toàn vùng DHMT.

Thứ ba, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng tại các địa phương trong vùng DHMT, đảm bảo yêu cầu tuyển dụng của các nhà đầu tư nước ngoài.

- Các địa phương trong vùng hỗ trợ các đại học vùng thành lập một trung tâm đào tạo đội ngũ lao động quản lý doanh nghiệp cho các doanh nghiệp FDI theo những tiêu thức phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn và gần với chuẩn mực quốc tế.

- Các địa phương trong vùng hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề để đào tạo nguồn lao động theo địa chỉ nhằm cung cấp cho những doanh nghiệp cụ thể, đặc biệt đối với các doanh nghiệp FDI có sử dụng nhiều lao động. Cần có những chương trình đào tạo miễn phí cho người lao động đối với ngành nghề thế mạnh của địa phương mình để nâng cao tay nghề cho người lao động.

- Cần đa dạng hoá các loại hình đào tạo, kết hợp giữa đào tạo trong nước và đào tạo nước ngoài. Khuyến

HƯỚNG ĐẾN KỶ NIỆM 30 NĂM NGÀY THÀNH LẬP TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HCM (27.10.1976 - 27.10.2006)

THÔNG BÁO

Ban biên tập *Đặc san kỷ niệm 30 năm thành lập trường ĐH Kinh tế TP. HCM*, trân trọng mời các thầy cô giáo, CBCNV (đã về hưu hay đang làm việc), các cựu SV và SV cộng tác bài viết và hình ảnh với mọi thể loại cho *Đặc san*.

Bài viết và hình ảnh xin gửi về:

Phòng công tác chính trị, trường ĐH Kinh tế TP. HCM
59C Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, TP.HCM
Hạn chót là ngày 31.7.2006

BAN BIÊN TẬP ĐẶC SAN

khích và kêu gọi các dự án FDI nhằm đào tạo cán bộ quản lý và công nhân tay nghề cao ở một số lĩnh vực như: quản lý tài chính, giám đốc kinh doanh, công nghệ, điện tử, viễn thông...

- Chính quyền địa phương cần tăng tỷ lệ ngân sách cho giáo dục đào tạo. Hàng năm cần tuyển chọn những học sinh, sinh viên xuất sắc gửi đi đào tạo ở nước ngoài với những điều kiện ràng buộc trở về địa phương công tác. Tuy nhiên, phải bố trí đội ngũ lao động này những ngành nghề thích hợp và tạo môi trường thuận lợi để họ phát huy được khả năng.

- Các cơ sở đào tạo trong vùng cần nghiên cứu đổi mới nội dung chương trình đào tạo, đáp ứng được yêu cầu về kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động Việt Nam; nghiên cứu nhu cầu thị trường lao động ở nước ngoài để tổ chức cung cấp lao động có hiệu quả; có chính sách ưu đãi đặc thù với đào tạo nghề để tăng cường đội ngũ lao động có kỹ năng, tăng khả năng tuyển dụng và giảm chi phí đào tạo lại đối với các doanh nghiệp FDI ■

Tài liệu tham khảo:

1. Hải Châu (2006). Chu Lai: Sau khởi động lá tăng tốc! <http://www.vnn.vn>
2. Lê Thông, Nguyễn Viết Thịnh (2003). Địa lí 12. NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Trung tâm thông tin và tư vấn phát triển - Hội khoa học kinh tế Việt Nam (2002), Tổng quan quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam, Tập 1. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Trung tâm thông tin và tư vấn phát triển - Hội khoa học kinh tế Việt Nam (2002), Tổng quan quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam, Tập 2. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Tổng cục thống kê, Niên giám Thống kê 2003, 2004, 2005, NXB Thống kê, Hà Nội.